

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Mạnh Thường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Luân	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Ủy viên
Ông Đinh Hiền	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Trung	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Hữu Dũng	Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Thanh	Phó Tổng Giám đốc (Nghỉ hưu từ ngày 01/10/2014)

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc gia VIA, thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Integra International.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

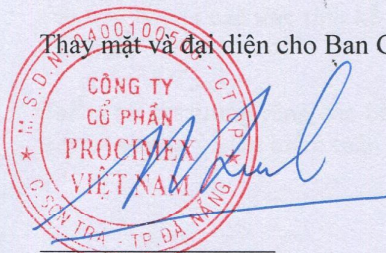
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm nhằm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
PROCIMEX  
VIỆT NAM

**Nguyễn Hữu Dũng**  
**Tổng Giám đốc**

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2015

Số. 664 /2015/BCKT-VIA/P4

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2015, từ trang 6 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Như đã nêu tại Thuyết minh số VII.02, theo Bản án sơ thẩm của Tòa án Nhân dân Thành phố Đà Nẵng thì Bà Bùi Thị Hòa (nguyên kế toán trưởng của Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam) và người thừa kế tài sản của ông Nguyễn Đĩnh (Nguyên Giám đốc Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam đã qua đời) phải chịu trách nhiệm hoàn trả cho Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam số tiền đã biến thủ là 25.360.000.000 đồng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu cần thiết để xác định được số tiền có khả năng thu hồi nên không thể xác định được số dự phòng cần trích lập cho khoản phải thu này. Trong trường hợp không thu hồi được hoặc chỉ thu hồi được một phần thì kết quả kinh doanh và lợi nhuận chưa phân phối sẽ giảm đi với số tiền tương ứng.
- Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty, chúng tôi chưa nhận được Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Bắc Trung Bộ mà Công ty đã góp 25% vốn điều lệ tương ứng với số tiền 2.000.000.000 đồng. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về khoản mục này và ảnh hưởng của nó tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính 2014 của Công ty.
- Công ty chưa hạch toán tiền phạt chậm nộp tiền thuê đất còn thiếu là 915.505.445 đồng do Công ty đang làm việc với Đơn vị Quản lý Khu Công nghiệp để xin miễn giảm số tiền này. Nếu thực hiện điều chỉnh thì kết quả kinh doanh trước thuế năm 2014 và lợi nhuận chưa phân phối tại 31/12/2014 sẽ giảm đi với số tiền là 915.505.445 đồng.

### Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại phần “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần.



**Phan Huy Thăng**

**Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận Đăng ký

Hành nghề Kiểm toán số 0147-2013-137-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC GIA VIA**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Integra International**

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Hoàng Tiến Lợi**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận Đăng ký

Hành nghề Kiểm toán số 0234-2013-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>31.123.561.509</b>	<b>33.305.189.288</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>644.548.359</b>	<b>2.112.015.208</b>
1 Tiền	111		644.548.359	2.112.015.208
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>23.553.726.370</b>	<b>19.114.207.413</b>
1 Phải thu khách hàng	131	V.02	5.116.361.261	759.707.302
2 Trả trước cho người bán	132		220.000.700	137.066.130
5 Các khoản phải thu khác	135	V.03	25.976.299.499	25.976.369.071
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(7.758.935.090)	(7.758.935.090)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>5.981.998.761</b>	<b>11.061.964.692</b>
1 Hàng tồn kho	141	V.04	6.906.627.134	13.563.599.914
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(924.628.373)	(2.501.635.222)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>943.288.019</b>	<b>1.017.001.975</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05	18.719.844	161.984.916
2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		391.416.540	269.685.182
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		891.824	3.937.074
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	532.259.811	581.394.803
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>16.661.479.769</b>	<b>17.327.492.698</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>13.566.852.864</b>	<b>14.753.731.857</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	13.277.609.477	13.267.047.338
<i>Nguyên giá</i>	222		26.523.160.889	25.119.144.655
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(13.245.551.412)	(11.852.097.317)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.08	289.243.387	620.651.239
<i>Nguyên giá</i>	228		2.908.262.814	2.877.262.814
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.619.019.427)	(2.256.611.575)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	-	866.033.280
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.094.626.905</b>	<b>573.760.841</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	1.094.626.905	573.760.841
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>47.785.041.278</b>	<b>50.632.681.986</b>

Các Thuyết minh từ mục I đến mục VII là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã Thuyết số t minh	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>8.063.019.734</b>	<b>12.056.569.909</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>8.063.019.734</b>	<b>11.031.814.016</b>
1 Vay và nợ ngắn hạn	311 V.12	940.500.000	3.909.454.190
2 Phải trả người bán	312	75.200.905	127.398.261
3 Người mua trả tiền trước	313	299.291.818	-
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314 V.13	1.027.099.883	832.786.710
5 Phải trả người lao động	315	1.501.005.166	2.015.231.644
6 Chi phí phải trả	316 V.14	1.817.837.551	1.890.113.251
9 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319 V.15	2.169.835.635	2.130.946.581
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	232.248.776	125.883.379
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>-</b>	<b>1.024.755.893</b>
3 Phải trả dài hạn khác	333	-	1.024.755.893
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>39.722.021.544</b>	<b>38.576.112.077</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410 V.17</b>	<b>39.722.021.544</b>	<b>38.576.112.077</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	30.000.000.000	30.000.000.000
7 Quỹ đầu tư phát triển	417	6.225.521.469	6.225.521.469
8 Quỹ dự phòng tài chính	418	601.275.586	601.275.586
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	2.895.224.489	1.749.315.022
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>47.785.041.278</b>	<b>50.632.681.986</b>

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Hà

Trần Thị Thu Hà

Nguyễn Hữu Dũng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

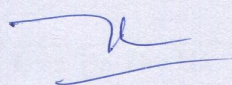
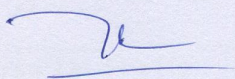
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	59.633.808.639	51.844.445.132
2 Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DV	10		<u>59.633.808.639</u>	<u>51.844.445.132</u>
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.02	49.389.158.426	40.731.599.118
5 Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp DV	20		<u>10.244.650.213</u>	<u>11.112.846.014</u>
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	154.936.708	281.122.207
7 Chi phí tài chính	22	VI.03	443.207.441	327.950.763
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		313.666.307	184.352.397
8 Chi phí bán hàng	24	VI.04	1.890.015.905	1.654.334.670
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05	5.537.982.445	8.486.571.223
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>2.528.381.130</u>	<u>925.111.565</u>
11 Thu nhập khác	31	VI.06	1.598.822.631	1.796.964.791
12 Chi phí khác	32	VI.06	377.559.955	318.717.746
13 Lợi nhuận khác	40		<u>1.221.262.676</u>	<u>1.478.247.045</u>
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>3.749.643.806</u>	<u>2.403.358.610</u>
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.07	854.477.317	654.101.588
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>2.895.166.489</u>	<u>1.749.257.022</u>
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	965	583

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Trần Thị Thu Hà

Trần Thị Thu Hà

Nguyễn Hữu Dũng

Các Thuyết minh từ mục I đến mục VII là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.749.643.806	2.403.358.610
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.755.861.947	1.816.022.522
Các khoản dự phòng	03	(1.577.006.849)	4.413.336.820
Lãi/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(66.715.944)	6.987.247
Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.843.863)	(23.939.947)
Chi phí lãi vay	06	313.666.307	184.352.397
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi VLD	08	4.169.605.404	8.800.117.649
Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	(4.427.052.309)	(330.067.664)
Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	6.656.972.780	(3.966.707.990)
Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	(121.438.046)	(6.528.170.641)
Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	(377.600.992)	44.639.398
Tiền lãi vay đã trả	13	(313.666.307)	(184.352.397)
Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(663.584.571)	(40.149.975)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(142.891.625)	(162.406.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>4.780.344.334</b>	<b>(2.367.097.620)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.809.399.036)	(6.490.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.843.863	23.939.947
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.803.555.173)</b>	<b>17.449.947</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	33.578.502.180	27.108.296.955
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(36.547.456.370)	(23.198.842.765)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.460.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(4.428.954.190)</b>	<b>3.909.454.190</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(1.452.165.029)</b>	<b>1.559.806.517</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.112.015.208	559.195.938
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(15.301.820)	(6.987.247)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>644.548.359</b>	<b>2.112.015.208</b>

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hà

Trần Thị Thu Hà

Nguyễn Hữu Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM**

Lô C1, Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B09-DN

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Kinh doanh Chế biến Hàng xuất khẩu Đà Nẵng.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0400100506 được đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 11 tháng 06 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng

Trụ sở chính của Công ty: Lô C1, Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Thành phố Đà Nẵng

**2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động theo đăng ký kinh doanh của Công ty là:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn hàng thủy sản, súc sản, nông sản;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy ngư nghiệp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: kinh doanh vận tải hàng;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo nghề ngắn hạn;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Đưa người lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;
- Sản xuất hàng nông sản. Kinh doanh phương tiện vận tải và hàng tiêu dùng. Dịch vụ gia công chế biến các sản phẩm thủy sản, súc sản, gia cầm, nông sản. Dịch vụ cấp đông và bảo quản lạnh các sản phẩm đông lạnh;

**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán năm**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán - Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Hình thức kế toán trên máy vi tính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**1. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời gian đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

**3. Ngoại tệ**

Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại cổ phần tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

**4. Các khoản phải thu và dự phòng**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm.

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

##### 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Số năm khấu hao

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 35
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	02 - 05

##### 7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### 8. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

##### 9. Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

##### 11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

##### 12. Ghi nhận doanh thu

###### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

###### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**13. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Trong năm hoạt động, không có chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Công ty.

**14. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm hoạt động. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất là 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả: Là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**15. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**16. Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM**

Lô C1, Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B09-DN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****V.01 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2014</u> (VND)	<u>01/01/2014</u> (VND)
Tiền mặt	41.877.522	56.036.000
Tiền gửi Ngân hàng	602.670.837	2.055.979.208
<b>Tổng</b>	<b><u>644.548.359</u></b>	<b><u>2.112.015.208</u></b>

**V.02 Phải thu khách hàng**

	<u>31/12/2014</u> (VND)	<u>01/01/2014</u> (VND)
Khách hàng trong nước	1.432.610.861	718.266.557
Khách hàng nước ngoài	3.683.750.400	41.440.745
<b>Tổng</b>	<b><u>5.116.361.261</u></b>	<b><u>759.707.302</u></b>

**V.03 Các khoản phải thu khác**

	<u>31/12/2014</u> (VND)	<u>01/01/2014</u> (VND)
Phải thu về XD CB tại Đà Sơn	365.777.694	365.777.694
Tiền ứng trước cho Cty TNHH Xây dựng số 9	100.000.000	100.000.000
Tiền ứng của Nguyễn Văn Chanh	10.500.000	10.500.000
Phải thu Công trình XD CB Thọ Quang	140.021.805	140.021.805
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga	-	69.572
Bà Bùi Thị Hòa và người thừa kế của ông Nguyễn Điềm	25.360.000.000	25.360.000.000
<b>Tổng</b>	<b><u>25.976.299.499</u></b>	<b><u>25.976.369.071</u></b>

Theo Bản án sơ thẩm của Tòa án Nhân dân Thành phố Đà Nẵng thì Bà Bùi Thị Hòa (nguyên kế toán trưởng của Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam) và người thừa kế tài sản của ông Nguyễn Điềm (Nguyên Giám đốc Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam đã qua đời) phải chịu trách nhiệm hoàn trả cho Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam số tiền đã biến thủ là 25.360.000.000 đồng. Công ty đã trích lập dự phòng cho khoản phải thu này tính đến thời điểm 31/12/2014 là 6.800.000.000 đồng. Trong trường hợp không thu hồi được hoặc chỉ thu hồi được một phần thì kết quả kinh doanh và lợi nhuận chưa phân phối sẽ giảm đi với số tiền tương ứng. Hiện nay, Công ty chưa xác định được mức độ và thời gian có thể thu hồi được số tiền bị biến thủ nêu trên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM**

Lô C1, Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B09-DN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****V.04 Hàng tồn kho**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	(VND)	(VND)
Nguyên liệu, vật liệu	1.517.494.289	3.320.214.891
Công cụ, dụng cụ	4.176.600	525.000
Thành phẩm	5.384.956.245	10.242.860.023
<b>Tổng</b>	<b><u>6.906.627.134</u></b>	<b><u>13.563.599.914</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(924.628.373)	(2.501.635.222)
<b>Giá trị thuần của hàng tồn kho</b>	<b><u>5.981.998.761</u></b>	<b><u>11.061.964.692</u></b>

**V.05 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	(VND)	(VND)
Chi phí lắp đặt thiết bị xử lý nước thải tại Thọ Quang	18.719.844	133.074.189
Chi phí tại Đà Sơn	-	28.910.727
<b>Tổng</b>	<b><u>18.719.844</u></b>	<b><u>161.984.916</u></b>

**V.06 Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	(VND)	(VND)
Tạm ứng	532.259.811	581.394.803
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
<b>Tổng</b>	<b><u>532.259.811</u></b>	<b><u>581.394.803</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM**

Lô C1, Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B09-DN

**V.07 Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Năm 2014	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng
<i>Nguyên giá</i>					
Tại ngày 01/01	14.275.806.017	9.978.077.974	865.260.664	-	25.119.144.655
Tăng trong năm	294.216.234	1.109.800.000	-	-	1.404.016.234
Mua trong năm	-	1.109.800.000	-	-	1.109.800.000
Xây dựng mới	294.216.234	-	-	-	294.216.234
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12	14.570.022.251	11.087.877.974	865.260.664	-	26.523.160.889
<i>Hao mòn lũy kế</i>					
Tại ngày 01/01	3.092.653.367	8.088.656.287	670.787.663	-	11.852.097.317
Tăng trong năm	659.875.714	681.718.913	51.859.468	-	1.393.454.095
Do trích khấu hao	659.875.714	681.718.913	51.859.468	-	1.393.454.095
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Theo TT 45	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12	3.752.529.081	8.770.375.200	722.647.131	-	13.245.551.412
<i>Giá trị còn lại</i>					
Tại ngày 01/01	11.183.152.650	1.889.421.687	194.473.001	-	13.267.047.338
Tại ngày 31/12	10.817.493.170	2.317.502.774	142.613.533	-	13.277.609.477

**V.08 Tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Năm 2014	Phần mềm kế toán	Tài sản khác	Tổng
<i>Nguyên giá</i>			
Tại ngày 01/01	40.000.000	2.837.262.814	2.877.262.814
Tăng trong năm	31.000.000	-	31.000.000
Mua trong năm	31.000.000	-	31.000.000
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12	71.000.000	2.837.262.814	2.908.262.814
<i>Hao mòn lũy kế</i>			
Tại ngày 01/01	40.000.000	2.216.611.575	2.256.611.575
Tăng trong năm	7.750.000	354.657.852	362.407.852
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12	47.750.000	2.571.269.427	2.619.019.427
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày 01/01	-	620.651.239	620.651.239
Tại ngày 31/12	23.250.000	265.993.387	289.243.387

**CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM**

Lô C1, Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B09-DN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****V.09 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>31/12/2014</u> (VND)	<u>01/01/2014</u> (VND)
Tại ngày 01 tháng 01	866.033.280	139.325.545
Tăng trong năm	792.911.036	726.707.735
Giảm trong năm	1.658.944.316	-
<b>Tổng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>866.033.280</u></b>

**Số dư theo chi tiết công trình**

	<u>31/12/2014</u> (VND)	<u>01/01/2014</u> (VND)
Chi phí sửa chữa phân xưởng Thọ Quang	-	294.216.234
Chi phí sửa chữa tại Đà Sơn	-	571.817.046
<b>Tổng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>866.033.280</u></b>

**V.10 Đầu tư vào Công ty liên kết**

	<u>31/12/2014</u> (VND)	<u>01/01/2014</u> (VND)
Công ty Cổ phần Bắc Trung Bộ	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b><u>2.000.000.000</u></b>	<b><u>2.000.000.000</u></b>

Công ty đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Bắc Trung Bộ với số tiền là 2.000.000.000 đồng, chiếm 25% Vốn điều lệ của bên nhận đầu tư. Công ty Cổ phần Bắc Trung Bộ có trụ sở tại Huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị và hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất, kinh doanh các loại bao bì giấy và gạch ốp lát.

**V.11 Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>31/12/2014</u> (VND)	<u>01/01/2014</u> (VND)
Chi phí sửa chữa tại Thọ Quang	200.077.599	414.478.592
Công cụ dụng cụ phân bổ	168.370.430	61.426.373
Chi phí sửa chữa tại Đà Sơn	726.178.876	97.855.876
<b>Tổng</b>	<b><u>1.094.626.905</u></b>	<b><u>573.760.841</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM**

Lô C1, Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****V.12 Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>940.500.000</b>	<b>3.909.454.190</b>
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga	940.500.000	3.909.454.190
<b>Tổng</b>	<b>940.500.000</b>	<b>3.909.454.190</b>

Khoản vay được thực hiện theo Hợp đồng tín dụng hạn mức và các phụ lục kèm theo với Ngân hàng Liên Doanh Việt – Nga, Chi nhánh Đà Nẵng, với hạn mức tín dụng là 15.000.000.000 đồng, thời hạn rút vốn đến hết ngày 30/04/2015. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, L/C năm 2014 -2015. Lãi suất theo quy định của Ngân hàng trong từng thời-kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp các tài sản cố định của Công ty.

**V.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	272.622.566	269.202.139
Thuế thu nhập doanh nghiệp	754.477.317	563.584.571
<b>Tổng</b>	<b>1.027.099.883</b>	<b>832.786.710</b>

**V.14 Chi phí phải trả**

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Tiền thuê đất	1.129.000.000	970.600.000
Phí sử dụng cơ sở hạ tầng KCN	454.839.860	327.240.000
Tiền phạt chậm nộp phí sử dụng cơ sở hạ tầng KCN	195.679.216	195.679.216
Tiền phép của CBCNV	-	358.275.560
Chi phí cầm mốc định vị tại Đà Sơn	38.318.475	38.318.475
<b>Tổng</b>	<b>1.817.837.551</b>	<b>1.890.113.251</b>

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

V.15 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Kinh phí công đoàn	231.702.811	148.041.731
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	39.991.770	45.570.704
Tiền cổ tức	1.690.700.000	1.650.700.000
Tiền lương CBCNV giữ lại	20.156.400	20.156.400
Tiền đặt cọc - Trần Định (Công ty CP Đồng Tô)	120.000.000	120.000.000
Phải trả khác	67.284.654	146.477.746
<b>Tổng</b>	<b>2.169.835.635</b>	<b>2.130.946.581</b>

V.16 Cổ phiếu

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và thu tiền đầy đủ	-	-
- Cổ phiếu thường	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu thường	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành/cổ phiếu	10.000	10.000

V.17 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam	16.507.000.000	16.507.000.000
Ông Nguyễn Diễm	31.000.000	31.000.000
Ông Nguyễn Quang Trung	500.000.000	500.000.000
Vốn góp của các cổ đồng khác	12.962.000.000	12.962.000.000
<b>Tổng</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM**

Lô C1, Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B09-DN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

**V.17 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu (tiếp theo)**

**Biến động vốn chủ sở hữu**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	30.000.000.000	6.205.425.601	556.895.359	71.704.550.000	36.834.025.510
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	1.749.257.022	1.749.257.022
Phân phối quỹ	-	20.095.868	44.380.227	(64.476.095)	-
Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(7.170.455)	(7.170.455)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	30.000.000.000	6.225.521.469	601.275.586	1.749.315.022,0	38.576.112.077
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	30.000.000.000	6.225.521.469	601.275.586	1.749.315.022,0	38.576.112.077
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	2.895.166.489	2.895.166.489
Trả cổ tức năm 2013	-	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(249.257.022)	(249.257.022)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	30.000.000.000	6.225.521.469	601.275.586	2.895.224.489	39.722.021.544

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**VI.01 Doanh thu**

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Doanh thu bán hàng	44.331.622.304	38.273.785.188
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.302.186.335	13.570.659.944
<b>Tổng</b>	<b>59.633.808.639</b>	<b>51.844.445.132</b>
Các khoản giảm trừ	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>59.633.808.639</b>	<b>51.844.445.132</b>

**VI.02 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Giá vốn hàng bán	43.944.112.744	34.271.882.815
Giá vốn cung cấp dịch vụ	7.022.052.531	5.479.589.680
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.577.006.849)	980.126.623
<b>Tổng</b>	<b>49.389.158.426</b>	<b>40.731.599.118</b>

**VI.03 Doanh thu - chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.843.863	9.232.258
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	82.376.901	259.723.551
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	66.715.944	12.166.398
<b>Tổng</b>	<b>154.936.708</b>	<b>281.122.207</b>
<b>Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	313.666.307	184.352.397
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	129.541.134	119.800.900
Lãi chậm nộp BHXH	-	23.797.466
<b>Tổng</b>	<b>443.207.441</b>	<b>327.950.763</b>
<b>Thu nhập tài chính - thuần</b>	<b>(288.270.733)</b>	<b>(46.828.556)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM**

Lô C1, Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B09-DN

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)****VI.04 Chi phí bán hàng**

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Chi phí nhân viên	12.926.470	352.481.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.679.912.076	820.181.792
Chi phí bằng tiền khác	197.177.359	481.671.654
<b>Tổng</b>	<b>1.890.015.905</b>	<b>1.654.334.670</b>

**VI.05 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Chi phí nhân viên	3.375.222.522	2.393.167.601
Chi phí vật liệu, bao bì	34.152.500	151.941.154
Chi phí khấu hao TSCĐ	59.609.466	96.537.537
Thuế, phí, lệ phí	154.294.605	353.197.303
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	3.500.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	430.017.988	573.327.144
Chi phí bằng tiền khác	1.484.685.364	1.418.400.484
<b>Tổng</b>	<b>5.537.982.445</b>	<b>8.486.571.223</b>

**VI.06 Thu nhập khác - Chi phí khác**

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu tiền điện nhượng bán cho công ty khác	113.343.126	174.914.736
Hoàn thuế môi trường	-	106.624.762
Tiền bồi thường của bảo hiểm	74.603.827	-
Thu hồi công nợ không phải trả	1.024.755.893	-
Các khoản khác	386.119.785	1.515.425.293
<b>Tổng</b>	<b>1.598.822.631</b>	<b>1.796.964.791</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí vi phạm hành chính	30.000.000	23.673.445
Chi trả tiền điện, nước	178.103.673	109.759.277
Chi phí khác	169.456.282	185.285.024
<b>Tổng</b>	<b>377.559.955</b>	<b>318.717.746</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác thuần</b>	<b>1.221.262.676</b>	<b>1.478.247.045</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM**

Lô C1, Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

MẪU B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ( tiếp theo)****VI.07 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.749.643.806	2.403.358.610
Các khoản điều chỉnh tăng	134.344.000	213.047.744
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Lợi nhuận tính thuế</b>	<b>3.883.987.806,00</b>	<b>2.616.406.354</b>
Thuế suất áp dụng	22%	25%
<b>Chi phí thuế TNDN năm hiện hành</b>	<b>854.477.317</b>	<b>654.101.588</b>
Chi phí thuế TNDN của các năm trước	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>854.477.317</b>	<b>654.101.588</b>
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>854.477.317</b>	<b>654.101.588</b>

**VI.08 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.895.166.489	1.749.257.022
Các khoản điều chỉnh	-	-
<i>Điều chỉnh cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Điều chỉnh chênh lệch phát sinh do thanh toán cổ phiếu ưu đãi và những tác động tương tự của cổ phiếu ưu đãi đã phân loại vào vốn chủ sở hữu</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.895.166.489	1.749.257.022
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.000.000	3.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>965</b>	<b>583</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM**

Lô C1, Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

MẪU B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)****VI.08 Chi phí sản xuất theo yếu tố**

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.191.035.787	33.754.990.429
Chi phí nhân công	12.042.065.595	10.007.851.676
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.755.861.947	1.782.353.122
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.033.621.682	3.572.427.341
Chi phí khác	4.976.037.147	6.583.496.974
<b>Tổng</b>	<b>57.998.622.158</b>	<b>55.701.119.542</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****VII.01 Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan****a. Thu nhập của các thành viên chủ chốt**

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Lương, thưởng, phụ cấp của HHDQT, BKS	191.000.000	171.000.000
Ban Giám đốc	200.234.000	270.465.300

**b. Số dư với các bên liên quan**

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
<b>Phải trả cổ tức</b>		
Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	1.650.700.000	825.350.000
<b>Phải thu khác</b>		
Người thừa kế của ông Nguyễn Điềm và Bà Bùi Thị Hòa	25.360.000.000	25.360.000.000

**VII.02 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ngày 11/3/2015, Tòa án Nhân dân Thành phố Đà Nẵng đã xét xử vụ án tham ô tài sản đối với bà Bùi Thị Hòa (nguyên là Kế toán trưởng của Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam). Theo Bản án sơ thẩm thì Bà Bùi Thị Hòa và người thừa kế tài sản của ông Nguyễn Điềm (Nguyên Giám đốc Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam đã qua đời) phải chịu trách nhiệm hoàn trả cho Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam số tiền đã biến thủ là 25.360.000.000 đồng. Như vậy, trách nhiệm hoàn trả số tiền bị biến thủ đã được xác định là bà Bùi Thị Hòa và người thừa kế của ông Nguyễn Điềm, tuy nhiên Công ty không thể xác định được số tiền có khả năng thu hồi được là bao nhiêu và thời gian thu hồi.

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****VII.03 Công cụ tài chính - quản lý rủi ro****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các loại công cụ tài chính**

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	644.548.359	2.112.015.208
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.092.660.760	26.736.076.373
<b>Tổng</b>	<b>31.737.209.119</b>	<b>28.848.091.581</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Khoản vay	940.500.000	3.909.454.190
Phải trả khách hàng và phải trả khác	2.245.036.540	2.258.344.842
Chi phí phải trả	1.817.837.551	1.890.113.251
<b>Tổng</b>	<b>5.003.374.091</b>	<b>8.057.912.283</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.



**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**VII.03 Công cụ tài chính - quản lý rủi ro (tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường**

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM**

Lô C1, Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

MẪU B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****VII.03 Công cụ tài chính - quản lý rủi ro (tiếp theo)**

	Dưới 1 năm (VND)	Từ 1- 5 năm (VND)	Tổng (VND)
<b>31/12/2014</b>			
Khoản vay	940.500.000	-	940.500.000
Phải trả khách hàng và phải trả khác	2.245.036.540	-	2.245.036.540
Chi phí phải trả	1.817.837.551	-	1.817.837.551
<b>Tổng</b>	<b>5.003.374.091</b>	<b>-</b>	<b>5.003.374.091</b>
<b>01/01/2014</b>			
Khoản vay	3.909.454.190	-	3.909.454.190
Phải trả khách hàng và phải trả khác	2.258.344.842	-	2.258.344.842
Chi phí phải trả	1.890.113.251	-	1.890.113.251
<b>Tổng</b>	<b>8.057.912.283</b>	<b>-</b>	<b>8.057.912.283</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có.

	Dưới 1 năm (VND)	Từ 1- 5 năm (VND)	Tổng (VND)
<b>31/12/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	644.548.359	-	644.548.359
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.732.660.760	25.360.000.000	31.092.660.760
<b>Tổng</b>	<b>6.377.209.119</b>	<b>25.360.000.000</b>	<b>31.737.209.119</b>
<b>01/01/2014</b>			
Tiền và tương đương tiền	2.112.015.208	-	2.112.015.208
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.376.076.373	25.360.000.000	26.736.076.373
<b>Tổng</b>	<b>3.488.091.581</b>	<b>25.360.000.000</b>	<b>28.848.091.581</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM**

Lô C1, Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Thành phố Đà Nẵng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B09-DN

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****VII.04 Báo cáo bộ phận**

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 2 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh gồm: sản xuất, kinh doanh hải sản và dịch vụ giết mổ gia súc, gia cầm.

**Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2014**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Kinh doanh		Khác	Tổng
	thủy sản	Dịch vụ giết mổ		
Tài sản cố định	8.571.180.727	4.995.672.137	-	13.566.852.864
Các khoản phải thu	23.553.726.370			23.553.726.370
Hàng tồn kho	6.906.627.134			6.906.627.134
Tài sản không thể phân bổ				3.757.834.910
<b>Tổng</b>	<b>39.031.534.231</b>	<b>4.995.672.137</b>	<b>-</b>	<b>47.785.041.278</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Các khoản phải trả	3.693.335.440	-	-	3.693.335.440
Phải trả tiền vay	940.500.000	-	-	940.500.000
Nợ phải trả không phân bổ				3.429.184.294
<b>Tổng</b>	<b>4.633.835.440</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.063.019.734</b>

**Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**

Đơn vị tính: VND

DOANH THU	Kinh doanh		Khác	Tổng
	thủy sản	Dịch vụ giết mổ		
Tổng doanh thu	47.350.020.828	12.283.787.811	-	59.633.808.639
Doanh thu giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>47.350.020.828</b>	<b>12.283.787.811</b>	<b>-</b>	<b>59.633.808.639</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>				
Kết quả bộ phận	(2.684.224.914)	5.057.669.336	-	2.373.444.422
Thu từ hoạt động tài chính			154.936.708	154.936.708
Thu nhập khác không liên quan đến			1.221.262.676	1.221.262.676
Thuế thu nhập doanh nghiệp				(854.477.317)
<b>Tổng</b>	<b>(2.684.224.914)</b>	<b>5.057.669.336</b>	<b>1.376.199.384</b>	<b>2.895.166.489</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM**

Lô C1, Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Thành phố Đà Nẵng

MẪU B09-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****VII.04 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)****Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2013**

Đơn vị tính: VND

	Kinh doanh		Khác	Tổng
	thủy sản	Dịch vụ giết mổ		
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản cố định	10.757.730.250	3.996.001.607	-	14.753.731.857
Xây dựng cơ bản dở dang	866.033.280	-	-	866.033.280
Các khoản phải thu	19.114.207.413			19.114.207.413
Hàng tồn kho	11.061.964.692			11.061.964.692
Tài sản không thể phân bổ	8.832.746.351			8.832.746.351
<b>Tổng</b>	<b>50.632.681.986</b>	<b>3.996.001.607</b>	<b>-</b>	<b>15.619.765.137</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Các khoản phải trả	4.453.729.993	603.769.056	-	5.057.499.049
Phải trả tiền vay	3.909.454.190	-	-	3.909.454.190
Nợ phải trả không phân bổ				3.089.616.670
<b>Tổng</b>	<b>8.363.184.183</b>	<b>603.769.056</b>	<b>-</b>	<b>12.056.569.909</b>

**Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**

Đơn vị tính: VND

	Kinh doanh		Khác	Tổng
	thủy sản	Dịch vụ giết mổ		
<b>DOANH THU</b>				
Tổng doanh thu	39.905.483.328	11.938.961.804	-	51.844.445.132
Doanh thu giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>39.905.483.328</b>	<b>11.938.961.804</b>	<b>-</b>	<b>51.844.445.132</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>				
Kết quả bộ phận	(4.588.654.377)	5.232.643.735	-	643.989.358
Thu từ hoạt động tài chính			281.122.207	281.122.207
Thu nhập khác không liên quan	-	-	1.478.247.045	1.478.247.045
Thuế thu nhập doanh nghiệp				(654.101.588)
<b>Tổng</b>	<b>(4.588.654.377)</b>	<b>5.232.643.735</b>	<b>1.759.369.252</b>	<b>1.749.257.022</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM**

Lô C1, Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Thành phố Đà Nẵng

MẪU B09-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**VII.05 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán dạng chấp nhận toàn phần.



Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hà

Trần Thị Thu Hà

Nguyễn Hữu Dũng